| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH LÂM ĐỒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 14/2020/DS-PT
Ngày: 27-02-2020
V/v "Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa:* Ông Huỳnh Châu Thạch

*Các Thẩm phán:* Ông Đỗ Mạnh Hùng

Ông Nguyễn Văn Thanh

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2020/TLPT- DS ngày 15 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp: "Hợp đồng Dân sự vay tài sản".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2020/QĐ-PT ngày 05/02/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm: 1980; cư trú tại tổ dân phố 01, thị trấn T, huyện C, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1982; cư trú tại thôn Tn, xã G huyện C, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hà Thị Nh, sinh năm: 1984; cư trú tại thôn Tn, xã G huyện C, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

*Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn H – Bị đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 24/5/2019, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng của Bà Nguyễn Thị Thanh H thì:

Vào ngày 28/12/2017 Ông Nguyễn Văn H có mang 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Ông Nguyễn Văn H, Bà Hà Thị Nh để vay của bà H số tiền 77.500.000đ, lãi suất là 2%/tháng, thời hạn trả nợ vào ngày 16/01/2018 (âm lịch), khi đến hạn bà đã yêu cầu ông H trả số tiền đã vay cùng lãi suất theo quy định nhưng ông H không trả. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H phải trả cho bà số tiền gốc đã vay và lãi theo quy định của pháp luật.

- Theo lời trình bày của Bà Hà Thị Nh thì bà có biết chồng là ông H có vay của bà H, còn vay khi nào và dùng vào việc gì thì bà không biết vì vợ chồng bà đã xảy ra mâu thuẫn trong một thời gian dài, công việc ai người nấy làm, không quan tâm đến nhau.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được do vắng mặt vợ chồng ông H, bà Nhung.

Tại Bản án số 10/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019; Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Thanh H. Buộc Ông Nguyễn Văn H phải trả cho bà H số tiền 90.986.000đ (trong đó nợ gốc là 77.500.000đ và lãi là 13.486.000đ).

Bà Nguyễn Thị Thanh H phải có trách nhiệm trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 983465, số vào sổ Giấy chứng nhận 05251 mang tên Ông Nguyễn Văn H, Bà Hà Thị Nh do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 22/9/2011.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 20/12/2019 Ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại số tiền lãi và tiền gốc mà ông đã vay của bà H.

*Tại phiên tòa,*

Ông Nguyễn Văn H vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Bà Nguyễn Thị Thanh H đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữa Bà Nguyễn Thị Thanh H và Ông Nguyễn Văn H có xác lập giao dịch dân sự vay tài sản, do bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản" là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng việc vay tiền giữa các bên là có xảy ra trong thực tế, theo nội dung giấy cho vay tiền ngày 28/12/2017 thì *"Bà Nguyễn Thị Thanh H cho Ông Nguyễn Văn H vay số tiền là 77.500.000đ, tài sản thế chấp là 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Ông Nguyễn Văn H, thửa đất số 1047, tờ bản đồ số 05"*. Tại phiên tòa hôm nay ông H thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền là do ông ký nhưng cho rằng chỉ vay 50.000.000đ, do bị bà H ép buộc nên phải ký giấy nợ với số tiền là 77.500.000đ nhưng không xuất trình được căn cứ chứng minh, bà H lại không thừa nhận nên nay nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc đã vay và lãi là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu tính lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, tương đương 24%/năm; cao hơn mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; dù trong giấy vay nợ không thể hiện mức lãi suất này, quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm ông H vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ, do vậy cần căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn để làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án; cấp sơ thẩm lại căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi với mức lãi suất là 0,83% với số tiền là 13.486.000đ là chưa chính xác bởi lẽ quy định tại khoản 2 của điều luật vừa viện dẫn chỉ áp dụng trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất mới được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ, bên cạnh đó ông H đã vi phạm thời hạn trả nợ nên phải chịu lãi trên nợ gốc quá hạn tương ứng với thời hạn chậm trả nợ, lẽ ra cấp sơ thẩm phải áp dụng quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm để tính lãi và buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn mới đúng đắn, tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn không kháng cáo nên không đề cập giải quyết nhưng cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm.

[4] Tại biên bản xác minh ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện C thì bà Nhung là vợ của ông H. Tuy nhiên, theo lời trình bày của bà Nhung tại giai đoạn sơ thẩm thì bà không biết việc ông H vay tiền của bà H và không biết ông H sử dụng vào mục đích gì vì vợ chồng đã mâu thuẫn từ lâu nên việc ai người đó làm, không quan tâm đến nhau. Do đó cấp sơ thẩm không buộc bà Nhung có trách nhiệm cùng với ông H trả nợ cho bà H là có căn cứ.

[5] Theo hồ sơ thể hiện thì cùng với việc vay nợ, ông H có thế chấp bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền

với đất số BE 983465 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng cấp ông Nguyễn Văn H, Bà Hà Thị Nh vào ngày 22/9/2011. Xét thấy việc thế chấp tài sản nói trên chỉ được hai bên viết giấy tay với nhau, chưa tuân theo trình tự, thủ tục thế chấp tài sản là bất động sản nên vô hiệu ngay từ đầu. Cấp sơ thẩm không công nhận việc thế chấp tài sản nói trên là đúng đắn, buộc bà H phải trả lại Giấy chứng nhận vừa nêu nhưng lại không tuyên trả cho ai là thiếu triệt để và chưa đầy đủ, gây khó khăn cho việc thi hành án sau này nên cần phải sửa lại phần tuyên trả Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho vợ chồng ông H, bà Nhung.

[5] Với những phân tích nói trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà H không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Ông H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà H (5% x 90.986.000đ = 4.549.000đ, làm tròn).

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của Ông Nguyễn Văn H, sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Thanh H đối với ông Nguyễn Văn H về việc "Tranh chấp Hợp đồng Dân sự vay tài sản".

Buộc ông Nguyễn Văn H phải trả cho bà H số tiền 90.986.000đ (chín mươi triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 77.500.000đ (bảy mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng), nợ lãi là 13.486.000đ (mười ba triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn).

2/ Bà Nguyễn Thị Thanh H phải có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng Ông Nguyễn Văn H, Bà Hà Thị Nh bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 983465, số vào sổ Giấy chứng nhận 05251/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng cấp cho Ông Nguyễn Văn H, Bà Hà Thị Nh ngày 22/9/2011.

3/ Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Buộc Ông Nguyễn Văn H phải chịu 4.549.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thanh H không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, bà H được nhận lại số tiền 1.968.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0010852 ngày 09/8/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

- Án phí phúc thẩm: Buộc Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0010937 ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C, tỉnh Lâm Đồng. Ông H đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV & THA TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện C, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện C, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự (03);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
**(đã ký)**

**Huỳnh Châu Thạch**